

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYÊN KIM PHÚ THINH

Địa chỉ: 74F3 Khu ĐTM Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ: IV NĂM 2014

Gồm các biểu:

- 1. Bảng Cân đối kế toán**
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.696.864.211	69.940.568.960
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.906.524.638	17.115.171.795
Tiền	111		23.906.524.638	17.115.171.795
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.670.170.487	36.187.165.536
Phải thu khách hàng	131	V.2	80.374.000.700	35.918.176.178
Trả trước cho người bán	132	V.3	49.291.180.954	264.000.525
Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.988.833	4.988.833
Hàng tồn kho	140	V.5	12.668.743.101	9.988.769.579
Hàng tồn kho	141		12.668.743.101	9.988.769.579
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		451.425.985	6.649.462.050
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		451.425.985	649.462.050
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	-	6.000.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.202.981.040	246.636.328.321
Tài sản cố định	220		10.614.686.814	8.976.388.020
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.670.919.396	5.240.965.848
- Nguyên giá	222		6.107.222.425	6.107.222.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.436.303.029)	(866.256.577)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	5.943.767.418	3.735.422.172
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		167.500.000.000	237.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	167.500.000.000	237.500.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		88.294.226	159.940.301
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.023.895
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	70.622.180
Tài sản dài hạn khác	268		88.294.226	88.294.226
TỔNG TÀI SẢN	270		344.899.845.251	316.576.897.281

Mẫu số B 09 - DN /HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		110.717.619.682	83.416.902.515
Nợ ngắn hạn	310		110.717.619.682	83.416.902.515
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	35.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả người bán	312	V.11	69.084.102.443	66.998.882.012
Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.207.428.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.507.687.409	4.634.818.673
Phải trả người lao động	315		-	-
Chi phí phải trả	316	V.14	1.200.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.718.401.830	1.783.201.830
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		234.182.225.569	233.159.994.766
Vốn chủ sở hữu	410	V.15	234.182.225.569	233.159.994.766
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	216.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.332.982.284	13.332.982.284
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.091.458.960	2.091.458.960
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.757.784.325	1.735.553.522
TỔNG NGUỒN VỐN	440		344.899.845.251	316.576.897.281

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-

Hà Nội, ngày 31 Tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

MZ
Đỗ Hữu Mạnh

MZ
Đỗ Hữu Mạnh

Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH
Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN /HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		49.901.046.273	10.426.818.182	100.658.301.273	33.035.729.981
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-		
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	VI.14	49.901.046.273	10.426.818.182	100.658.301.273	33.035.729.981
Giá vốn hàng bán	11	VI.15	48.524.332.397	9.861.998.670	95.850.415.994	30.491.408.246
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.376.713.876	564.819.512	4.807.885.279	2.544.321.735
Doanh thu hoạt động tài chính	21		30.276	57.337	498.177	279.122
Chi phí tài chính	22		933.333.334	70.000.000	2.877.000.000	70.000.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		933.333.334	70.000.000	2.877.000.000	70.000.000
Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		227.599.387	197.662.871	918.343.749	1.034.008.359
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		215.811.431	297.213.978	1.013.039.707	1.440.592.498

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/10/2014 đến ngày 31/12/2014**Mẫu số B 09 - DN /HN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
Thu nhập khác	31		-	-	1.400.000	62.116.033
Chi phí khác	32		-	-	(1.400.000)	(62.116.033)
Lợi nhuận khác	40		-	-	1.011.639.707	1.378.476.465
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		215.811.431	297.213.978	222.868.736	405.428.306
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		47.478.515	99.115.867	788.770.971	973.048.159
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		168.332.916	198.098.111	37	45
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	7,8			

Người lập biểu

ML
Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng

ML
Đỗ Hữu Mạnh

Hà Nội, Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiền

Mẫu số B 09 - DN /HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.011.639.707	1.378.476.465
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		301.689.894	549.059.749
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4		-	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(498.177)	(279.122)
Chi phí lãi vay	6		2.877.000.000	70.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		4.189.831.424	1.997.257.092
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(87.234.968.886)	11.270.226.437
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.679.973.522)	(6.577.992.098)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		4.427.848.431	(8.562.772.038)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.023.895	(1.023.895)
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.877.000.000)	(70.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.300.000.000)	(1.817.233.888)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.673.396.676)	(54.072.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(88.146.635.334)	(3.815.611.011)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.510.000)	(692.132.536)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		70.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		498.177	279.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		69.937.988.177	(691.853.414)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.000.000.000	10.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.000.000.000	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.791.352.843	5.492.535.575
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.115.171.795	11.622.636.220
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	23.906.524.638	17.115.171.795

Hà nội, Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

MĐ
Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng

MĐ
Đỗ Hữu Mạnh

Giám đốc

M.S.D.N: 0102739992 - C.T. PHÚ THỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH
Q. HOÀNG MAI - HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Kiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2014

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh là Công ty Cổ phần được được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102739992, thay đổi lần thứ 9 ngày 24/8/2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 216.000.000.000 đồng được chia làm 21.600.000 cổ phần mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim.

Công ty có trụ sở chính và các chi nhánh tại các địa điểm sau:

Trụ sở/ Chi nhánh

Trụ sở chính

Địa điểm

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản và luyện kim Thăng Long-Nghệ An

* Địa chỉ: Số 20, Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá vốn của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Mẫu số B 09 - DN /HN

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Tài sản cố định khác	10
Máy móc, thiết bị	03 – 04
Thiết bị văn phòng	03

5. Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

6. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Tài sản do Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác; (iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Thuế Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN /HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tiền mặt	23.898.124.888	17.103.731.656
Tiền gửi ngân hàng	8.399.750	11.440.139
Cộng	<u>23.906.524.638</u>	<u>17.115.171.795</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
1 Tổng Công ty CP Tập đoàn tre gỗ Việt Nam	16.749.408.122	16.749.408.122
2 Công ty CP Luyện kim Đông Bắc	19.940.035.616	8.317.590.616
3 Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Mạnh	2.342.677.440	2.342.677.440
4 Công ty CP Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung	-	8.508.500.000
5 Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	37.411.879.522	
6 Công ty CP Đầu tư TM XNK Hùng Vương	3.930.000.000	
Cộng	<u>80.374.000.700</u>	<u>35.918.176.178</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
1 Công ty CP thông tin và Định giá Việt Nam		100.000.000
2 Điện lực Nghĩa lộ	1.192.954	525
3 Công ty TNHH Đại Đồng Tiến	9.000.000	9.000.000
4 Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á	-	80.000.000
5 Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	75.000.000	75.000.000
6 Công ty CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và Môi trường	60.000.000	
7 Công ty TNHH Thủy Hưng	49.074.008.000	
8 Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt tại HN	70.000.000	
9 Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Bắc	1.980.000	
Cộng	<u>49.291.180.954</u>	<u>264.000.525</u>

Mẫu số B 09 - DN /HN

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
1 Thuế TNCN phải nộp	4.988.833	4.988.833
Cộng	4.988.833	4.988.833

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Nguyên liệu, vật liệu	112.533.408	376.870.923
Công cụ, dụng cụ	23.974.000	23.974.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	615.256.655	733.550.977
Hàng hoá	11.916.979.038	8.854.373.679
Cộng	12.668.743.101	9.988.769.579

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Tạm ứng	-	6.000.000.000
Cộng	-	6.000.000.000

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn dụng cụ, quản lý	Thiết bị	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày đầu năm	6.107.222.425	-	-	-	-	6.107.222.425
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối quý	6.107.222.425	-	-	-	-	6.107.222.425
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày đầu năm	866.256.577	-	-	-	-	866.256.577
- Khấu hao trong năm	570.046.452	-	-	-	-	570.046.452
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối quý	1.436.303.029	-	-	-	-	1.436.303.029
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	5.240.965.848	-	-	-	-	5.240.965.848
Tại ngày cuối quý	4.670.919.396	-	-	-	-	4.670.919.396

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Chi phí đền bù	445.892.727	445.892.727
Trạm biến áp	222.727.273	222.727.273
Xây dựng cơ bản tại Nghệ An	3.414.640.892	3.066.802.172
Xây dựng cơ bản tại Yên Bái	1.860.506.526	
Cộng	5.943.767.418	3.735.422.172

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Chì Kẽm Yên Bái(*)	167.500.000.000	167.500.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai(**)	-	70.000.000.000
Cộng	167.500.000.000	237.500.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là các khoản đầu tư hợp tác sản xuất kinh doanh, bao gồm:

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2012/HĐKD ngày 05/03/2012: Hợp tác kinh doanh để sản xuất ra sản phẩm Chì Kẽm tại 2 Mô Chì Kẽm tại xã Cẩm Nhân, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái. Giá trị mỗi bên 200.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 5/3/2012 đến 5/3/2017.

(**) Việc rút vốn hợp tác kinh doanh với công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai đã được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014(Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/07/2014)

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
- Vay ngắn hạn	35.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Thành Đô	35.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	35.000.000.000	10.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
1 Công ty cổ phần Thép Cao Bắc	436.839.523	436.839.523
2 Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Bắc Á	15.710.975.025	36.710.975.025
3 Công ty cổ phần An Hồng Phương	3.457.356.989	3.457.356.989
4 Công ty CP Khoáng sản Na ri Hamico	7.785.753.097	13.722.825.097
5 Công ty CP Đầu tư Xây dựng XNK Thăng Long	450.000.000	500.000.000
6 Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc	-	12.170.885.378
7 Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	41.243.177.809	
Cộng	<u>69.084.102.443</u>	<u>66.998.882.012</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
1 Công ty CP Mỏ và XNK khoáng sản Miền Trung	1.207.428.000	
Cộng	<u>1.207.428.000</u>	<u>-</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.552.698.576	4.629.829.840
2 Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	4.988.833
Cộng	<u>2.507.687.409</u>	<u>4.634.818.673</u>

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối quý VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
1 Trích trước chi phí vận chuyển	1.200.000.000	0
Cộng	<u>1.200.000.000</u>	<u>-</u>

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	1.735.553.522	233.159.994.766
Tăng do bàn giao tài sản	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.022.230.803	1.022.230.803
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối quý	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	2.757.784.325	234.182.225.569

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**15.2. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.600.000	21.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.600.000	21.600.000
Cổ phiếu phổ thông	21.600.000	21.600.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.600.000	21.600.000
Cổ phiếu phổ thông	21.600.000	21.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

15.3. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	13.332.982.284	13.332.982.284
Quỹ dự phòng tài chính	2.091.458.960	2.091.458.960

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.901.046.273	10.426.818.182
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	47.628.319.000	10.426.818.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.272.727.273	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
- Giá vốn bán hàng	48.524.332.397	9.861.998.670
Cộng	48.524.332.397	9.861.998.670

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
Lãi tiền gửi	30.276	57.337
Cộng	30.276	57.337

4. Chi phí tài chính

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
- Chi phí lãi vay	933.333.334	70.000.000
Cộng	933.333.334	70.000.000

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	227.599.387	197.662.871
Tổng cộng	227.599.387	197.662.871

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý này năm nay VND	Quý này năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	215.811.431	297.213.978
- Tổng thu nhập chịu thuế	-	297.213.978
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
- Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	47.478.515	99.115.867
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	47.478.515	99.115.867

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	168.332.916
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	21.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7,8

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm ngày 31/12/2014

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

Các loại công cụ tài chính:

	Tại ngày cuối quý		Tại ngày đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	23.906.524.638	23.906.524.638	17.115.171.795	17.115.171.795
Phải thu khách hàng	80.374.000.700	80.374.000.700	35.918.176.178	35.918.176.178
Phải thu khác	4.988.833	4.988.833	4.988.833	4.988.833
Tài sản tài chính khác	88.294.226	88.294.226	6.088.294.226	6.088.294.226
Tổng	104.373.808.397	104.373.808.397	59.126.631.032	59.126.631.032
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	69.084.102.443	69.084.102.443	66.998.882.012	66.998.882.012
Phải trả khác	-	-	-	-
Tổng	69.084.102.443	69.084.102.443	66.998.882.012	66.998.882.012

Quản lý rủi ro vốn:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quản lý rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư đầu kỳ			
Các khoản vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	66.998.882.012	-	66.998.882.012
Cộng	76.998.882.012	-	76.998.882.012
Số dư cuối kỳ			
Các khoản vay	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.084.102.443	-	69.084.102.443
Chi phí phải trả	1.200.000.000		1.200.000.000
Cộng	105.284.102.443	-	105.284.102.443
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.906.524.638	-	23.906.524.638
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.374.000.700	-	80.374.000.700
Đầu tư dài hạn	-	167.500.000.000	167.500.000.000
Cộng	104.280.525.338	0	167.500.000.000
Số dư đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.115.171.795	-	17.115.171.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.923.165.011	-	35.923.165.011
Đầu tư dài hạn		237.500.000.000	237.500.000.000
Cộng	53.038.336.806	0	237.500.000.000

5. Số liệu so sánh

- Kết quả Báo cáo Tài chính Hợp nhất Lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2014 so với Quý 4 năm 2013

So sánh kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2014 so với Quý 4 năm 2013 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2014 giảm 29.765.195 (đ) so với Quý 4 năm 2013:

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mặc dù Doanh thu Quý 4 năm 2014 đạt Doanh thu cao hơn Quý 4 năm 2013, tuy nhiên do thị trường kinh tế những năm gần đây có kém phát triển, chi phí giá thành và các chi phí khác cao nên hiệu quả kinh tế không đạt như ý muốn. Đơn vị sẽ cố gắng đẩy mạnh cơ cấu bán hàng, giảm chi phí giá thành, cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nghề chính (Khoáng sản, luyện kim) của Công ty phát triển nhằm tạo nhiều lợi nhuận và ổn định trong tương lai tới.

Hà Nội, Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

MĐ
Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng

MĐ
Đỗ Hữu Mạnh

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Kiên